

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-KT&VLXD

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

V/v hướng dẫn thực hiện công bố
hợp quy đối với sản phẩm, hàng
hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn
tỉnh Bắc Giang.

Kính gửi:

- Các Sở, ngành trực thuộc UBND tỉnh;
- Cục quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang;
- UBND các huyện, thành phố Bắc Giang;
- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh VLXD;
- Các chủ đầu tư xây dựng công trình;
- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Ngày 30/6/2023, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 04/2023/TT-BXD ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, mã số QCVN 16:2023/BXD. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024 và thay thế Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng, mã số QCVN 16:2019/BXD.

Để triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BXD của Bộ Xây dựng; Quyết định số 332/2012/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 332/2012/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Xây dựng đề nghị các ngành, các cấp và các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện một số nội dung sau:

I. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng (VLXD) thuộc đối tượng phải công bố hợp quy:

1. Thực hiện công tác đánh giá, chứng nhận và công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa VLXD phù hợp với các quy định kỹ thuật nêu trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, mã số QCVN 16:2023/BXD và các Quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, hàng hóa do cấp có thẩm quyền ban hành (có danh mục các sản phẩm, hàng hóa VLXD phải công bố hợp quy kèm theo Công văn này).

2. Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng đã được cấp Giấy chứng nhận hợp quy phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật

QCVN 16:2019/BXD và Giấy chứng nhận còn hiệu lực sẽ được phép sử dụng Giấy chứng nhận hợp quy và dấu hợp quy cho đến khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đó.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục công bố hợp quy thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 và Thông tư số 06/2020/TT-BKHHCN ngày 10/12/2020.

4. Quy định đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu

4.1. Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu quy định tại Phần 2 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD, người nhập khẩu phải thực hiện:

a) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thực hiện tại Sở Xây dựng Bắc Giang đối với đơn vị nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

b) Khi đăng ký kiểm tra nhà nước, phải xác định tên Tổ chức chứng nhận hợp quy, tên Tổ chức thử nghiệm thực hiện việc thử nghiệm, đánh giá chứng nhận chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên Bản đăng ký theo Mẫu số 01-Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung theo khoản 9 Điều 4 của Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ; Sở Xây dựng xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký;

c) Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của Sở Xây dựng cho Cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (đối với nhóm sản phẩm xi măng, phụ gia cho xi măng, bê tông và vữa là 35 ngày làm việc) kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu), Giấy chứng nhận hợp quy và kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa (được thực hiện bởi tổ chức chứng nhận hợp quy và tổ chức thử nghiệm đã có tên trong bản đăng ký nộp cho Cơ quan kiểm tra trước đó) phù hợp với Bảng 1 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD cho Sở Xây dựng;

đ) Trường hợp, hàng hóa đã được Tổ chức chứng nhận đánh giá tại nước xuất khẩu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông quan, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu), Giấy chứng nhận hợp quy cho Sở Xây dựng;

e) Trường hợp, người nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì thực hiện đăng ký kiểm tra và trả kết quả kiểm tra chất lượng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

g) Người nhập khẩu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa do mình nhập khẩu.

4.2. Áp dụng biện pháp miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

Đơn vị nhập khẩu khi có nhu cầu miễn giảm kiểm tra, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị miễn kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định 154/2018/NĐ-CP gửi về Sở Xây dựng để xem xét, xác nhận miễn giảm.

Trong thời gian được miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu: đơn vị nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 06/2020/TT-BKHHCN ngày 10/12/2020.

5. Quy định về bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản

Các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải ghi nhãn theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, Thông tư số 18/2022/TT-BKHHCN ngày 30/12/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa của một số nhóm hàng hóa bằng phương thức điện tử.

Thực hiện quy định về bao gói (với sản phẩm đóng bao, kiện, thùng), vận chuyển và bảo quản được nêu trong tiêu chuẩn đối với sản phẩm, hàng hóa đó.

II. Các chủ đầu tư xây dựng công trình, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh:

1. Thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng các sản phẩm, hàng hóa VLXD trước khi sử dụng; tuyệt đối không sử dụng các sản phẩm, hàng hóa VLXD chưa được công bố hợp chuẩn, hợp quy cho công trình xây dựng theo quy định pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Trường hợp phát hiện sản phẩm, hàng hóa VLXD không đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã công bố thì phải phản ánh về Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Cục quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang để tổ chức kiểm định và xử lý theo quy định.

III. UBND các huyện, thành phố:

1. Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, hàng hóa VLXD trong các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng, nhất là các sản phẩm yêu cầu bắt buộc phải có chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, công bố

hợp chuẩn, hợp quy. Không đưa các sản phẩm VLXD chưa công bố tiêu chuẩn chất lượng, chưa công bố hợp chuẩn, hợp quy hoặc các sản phẩm chưa phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã công bố vào sử dụng cho công trình xây dựng.

2. Thường xuyên tổ chức kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng có hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về phòng Kinh tế và VLXD - Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện theo địa chỉ: Phòng Kinh tế và VLXD - Sở Xây dựng Bắc Giang, đường Hùng Vương, thành phố Bắc Giang. Điện thoại: 0204.3855.499. Email: phongktxd_sxd@bacgiang.gov.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Trung tâm KĐCLCTXD Bắc Giang (t/h);
- Lưu: VT, KT&VLXD, LĐ Sở.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quang Minh

**DANH MỤC SẢN PHẨM PHẢI CÔNG BỐ PHÙ HỢP QUY CHUẨN
KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VLXD
(QCVN 16:2023/BXD)**

(Kèm theo Công văn số /SXD-KT&VLXD ngày /12/2023 của Sở Xây dựng)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa VLXD
I	Xi măng, phụ gia cho xi măng và bê tông
1	Xi măng poóc lăng
2	Xi măng poóc lăng hỗn hợp
3	Xi măng poóc lăng bền sun phát
4	Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng
5	Xi hạt lò cao
6	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng
II	Cốt liệu xây dựng
1	Cát nghiền cho bê tông và vữa
2	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa
III	Vật liệu ốp lát
1	Gạch gốm ốp lát
2	Đá ốp lát tự nhiên
3	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ
4	Gạch bê tông tự chèn
IV	Vật liệu xây
1	Gạch đất sét nung
2	Gạch bê tông
3	Sản phẩm bê tông khí chưng áp
4	Tấm tường
V	Vật liệu lợp
1	Tấm sóng amiăng xi măng
2	Ngói lợp: Ngói đất sét nung; Ngói gốm tráng men và Ngói bê tông
VI	Thiết bị vệ sinh
1	Chậu rửa
2	Bồn tiểu nam treo tường
3	Bồn tiểu nữ

4	Bê xi bết
VII	Kính xây dựng
1	Kính nổi
2	Kính phẳng tôi nhiệt
3	Kính màu hấp thụ nhiệt
4	Kính phủ phản quang
5	Kính phủ bức xạ thấp (Low E)
6	Kính hộp gắn kính cách nhiệt
7	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp
VIII	Vật liệu trang trí và hoàn thiện
1	Vật liệu dán tường dạng cuộn – Giấy dán tường hoàn thiện, vật liệu dán tường vinyl và vật liệu dán tường bằng chất dẻo
2	Sơn tường – dạng nhũ tương
3	Tấm thạch cao và Panel thạch cao cốt sợi (Không áp dụng đối với tấm thạch cao đục lỗ dùng cho mục đích tiêu âm)
4	Ván gỗ nhân tạo: ván sợi, ván dăm, ván ghép từ thanh dày và ván ghép từ thanh trung bình.
IX	Các sản phẩm ống cấp thoát nước
1	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PVC dùng cho hệ thống cấp nước, thoát nước trong điều kiện có áp suất
2	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PE dùng cho hệ thống cấp nước, thoát, nước trong điều kiện có áp suất
3	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PP dùng cho hệ thống cấp nước, thoát, nước trong điều kiện có áp suất
4	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng nhựa nhiệt rắn gia cường bằng sợi thủy tinh (GRP) trên cơ sở nhựa polyeste không no (UP)
5	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng gang dẻo dùng cho các công trình dẫn nước
X	Các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng khác
1	Amiăng crizôtin để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng
2	Hệ thống thang cáp và máng cáp bằng sắt hoặ thép sử dụng trong lắp đặt điện của công trình
3	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) dùng để bảo vệ và lắp đặt dây dẫn điện trong nhà

Ghi chú:

- Các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nêu trên phải được công bố hợp quy phù hợp với các quy định kỹ thuật nêu trong Phần 2 của QCVN 16:2023/BXD dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của Tổ chức chứng nhận hợp quy được Bộ Xây dựng chỉ định hoặc thừa nhận.

- Các sản phẩm, hàng hóa khác là vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị sử dụng cho các công trình xây dựng (không có trong bảng danh mục nêu trên) phải được công bố hợp quy phù hợp với các quy định kỹ thuật nêu trong Quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, hàng hóa do cấp có thẩm quyền ban hành.